

BỆNH VIỆN UNG BƯỚU THANH HOÁ  
KHOA DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ

**BÀI THÔNG TIN THUỐC**  
**THÔNG TIN DƯỢC LÂM SÀNG: “CẬP NHẬT CHỐNG CHỈ ĐỊNH NHÓM**  
**THUỐC ĐIỀU TRỊ UNG THƯ”**

Tháng 9, năm 2024

Hiện nay có rất nhiều loại thuốc hỗ trợ điều trị ung thư được chỉ định theo từng trường hợp khác nhau và đã được phê duyệt bởi những tổ chức quốc tế và trong nước. Đối với mục đích điều trị, có thể là điều trị triệt để (hết hẳn bệnh) trong các giai đoạn sớm, điều trị giảm nhẹ triệu chứng hoặc ngăn chặn một phần trong giai đoạn bệnh tiến triển di căn đến các cơ quan khác trong cơ thể.

Song song với các lợi ích đem lại từ nhóm thuốc này, một số chống chỉ định được Bộ Y Tế và nhà sản xuất khuyến cáo giúp phòng ngừa các vấn đề nguy hiểm cho người bệnh khi sử dụng. Chống chỉ định của một thuốc cần được cung cấp rõ ràng về các trường hợp không được sử dụng thuốc. Đối với chống chỉ định ở trẻ khuyến khích ghi rõ độ tuổi của trẻ. (được tính theo tháng hoặc năm) hoặc nhóm đối tượng bệnh nhân khác phù hợp (ví dụ như theo giới tính, cân nặng, đối tượng đặc biệt,...)

Hiểu rõ tầm quan trọng của chống chỉ định thuốc, khoa Dược - Vật tư y tế bệnh viện Ung bướu Thanh Hoá đã xây dựng tài liệu “Cập nhật chống chỉ định nhóm thuốc điều trị ung thư”.

Trong quá trình biên soạn nội dung không thể tránh khỏi sai sót. Chúng tôi rất mong sự góp ý kiến của Quý đồng nghiệp để lần tái bản sau được hoàn thiện hơn. Mọi thông tin xin liên hệ Tổ Thông tin thuốc - Dược Lâm sàng Khoa Dược – VTYT.

Xin chân thành cảm ơn./.

Người thực hiện:

**DS. Lê Quỳnh Chi**

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Đơn vị tính	Chống chỉ định sử dụng
1.	Bleomycin (dưới dạng Bleomycin sulfat) 15UI	Bleomycin Bidiphar	15UI	Lọ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bệnh nhân dị ứng với thuốc.</li> <li>- Nhiễm khuẩn phổi cấp và chức năng phổi suy giảm nặng.</li> <li>- Người mang thai hoặc cho con bú.</li> </ul>
2.	Capecitabin	Pecabine 500mg	500mg	Viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền sử có phản ứng nghiêm trọng và không dự đoán trước với fluoropyrimidin</li> <li>- Quá mẫn.</li> <li>- Bệnh nhân được biết là có thiếu hụt dihydropyrimidin dehydrogenase (DPD).</li> <li>- Trong thời gian mang thai và cho con bú.</li> <li>- Bệnh nhân bị giảm bạch cầu, giảm bạch cầu trung tính hoặc giảm tiểu cầu nặng.</li> <li>- Bệnh nhân suy gan nặng.</li> <li>- Bệnh nhân suy thận nặng.</li> <li>- Không dùng capecitabin cùng với sorivudin hoặc các chất tương tự có liên quan về mặt hoá học, như là brivudin.</li> </ul> <p>Nếu có chống chỉ định của bất kỳ thuốc nào trong điều trị kết hợp thì không dùng thuốc đó</p>
3.	Docetaxel	Docetaxel “Ebewe”	10mg/ml	Lọ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫn cảm với hoạt chất chính hoặc bất kỳ thành phần nào của thuốc.</li> <li>- Được không được sử dụng bệnh nhân lúc bắt đầu có số lượng bạch cầu trung tính &lt; 1500 tế bào/mm<sup>2</sup></li> <li>- Không sử dụng cho bệnh nhân suy gan nặng</li> <li>- Chống chỉ định các thuốc khác cũng được áp dụng khi điều chỉnh đồng thời Docetaxel.</li> </ul>

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Đơn vị tính	Chống chỉ định sử dụng
4.	Doxorubicin hydrochlorid USP	Chemodox	2,0 g	Lọ	-Không sử dụng doxorubicin dạng liposone để điều trị ung thư Laposi có liên quan đến AIDS mà có thể được điều trị hiệu quả bằng liệu pháp tại chỗ hoặc alffa interferon toàn thân
5.	Doxorubicin	Doxorubicin bidiphar 10cap Doxorubicin Bidiphar 50	10mg 50mg	Lọ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quá mẫn</li> <li>- Thời kỳ mang thai và cho con bú</li> <li>- Chống chỉ định khi dùng đường tĩnh mạch: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhạy cảm với các anthracendion hoặc các anthracyclin khác</li> <li>+ Suy tủy xương có biểu hiện kéo dài và /hoặc viêm miệng nặng được gây ra do điều trị trước đó với các thuốc gây độc tế bào khác và /hoặc chiếu xạ</li> <li>+ Điều trị trước đó với liều tích lũy tối đa của doxorubicin và /hoặc các anthracyclin khác và các anthracenedion</li> <li>+ Nhiễm trùng toàn thân</li> <li>+ Suy gan nặng</li> <li>+ Loạn nhịp tim nặng, suy tim, nhồi máu cơ tim trước đó, bệnh tim do viêm cấp tính</li> <li>+ Khuynh hướng tăng xuất huyết</li> <li>+ Phụ nữ cho con bú</li> </ul> </li> <li>- Chống chỉ định khi dùng đường bàng quang: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Các khối u xâm lấn xâm nhập vào bàng quang</li> <li>+ Viêm bàng quang</li> <li>+ Tiểu ra máu</li> <li>+ Khó đặt ống thông đường tiểu (như các khối u lớn trong bàng quang)</li> <li>+ Phụ nữ cho con bú</li> <li>+ Nhiễm trùng đường tiết niệu</li> </ul> </li> <li>- Bệnh nhân ung thư Kaposi liên quan đến AIDS được điều trị có hiệu quả với liệu pháp điều trị tại chỗ hoặc hệ thống alpha-interferon</li> </ul>

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Đơn vị tính	Chống chỉ định sử dụng
6.	Epirubicin	Epirubicin Bidiphar 10 Epirubicin Bidiphar 50	10mg 50mg	Lọ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người quá mẫn</li> <li>- Phụ nữ có thai và cho con bú</li> <li>- Người bệnh có số lượng bạch cầu trung tính dưới <math>1,5 \times 10^9</math> /lít (1500/mm<sup>3</sup>)</li> <li>- Sử dụng đường tĩnh mạch: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Suy tủy kéo dài</li> <li>+ Suy gan nặng</li> <li>+ Suy cơ tim nặng</li> <li>+ Nhồi máu cơ tim gần đây</li> <li>+ Loạn nhịp tim nặng</li> </ul> </li> <li>+ Điều trị trước đó với liều tích lũy tối đa của erirubicin và /hoặc các anthracyclin và anthracenedion khác</li> <li>+ Bệnh nhân bị nhiễm trùng toàn thân cấp tính</li> <li>+ Đau thắt ngực thể không ổn định</li> <li>+ Bệnh cơ tim</li> <li>+ Bệnh tim do viêm cấp tính</li> <li>- Sử dụng bàng quang: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhiễm trùng đường tiết niệu</li> <li>+ Khối u xâm lấn xâm nhập vào bàng quang</li> <li>+ Các vấn đề liên quan thông đường tiểu</li> <li>+ Viêm bàng quang</li> <li>+ Tiểu ra máu</li> <li>+ Bàng quang bị co nhỏ</li> <li>+ Thể tích nước tiểu còn lại trong bàng quang lớn</li> </ul> </li> </ul>
7.	Fluorouracil	Biluracil 1g	1g	Lọ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Suy dinh dưỡng, suy tủy, nhiễm khuẩn nặng.</li> <li>- Người bị thiếu hụt enzym DPD.</li> <li>- Phụ nữ mang thai hoặc cho con bú.</li> </ul>

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Đơn vị tính	Chống chỉ định sử dụng
8.	Gemcitabine	Gemnil	200mg	Lọ	- Quá mẫn với hoạt chất hay với bất kỳ thành phần tá dược nào. - Phụ nữ có thai và cho con bú.
9.	Gemcitabin (dưới dạng Gemcitabin HCl)	Bigemax 1g	1g	Lọ	- Bệnh nhân quá mẫn - Thận trọng ở bệnh nhân suy tủy, suy thận, suy gan
10.	Ifosfamid	Ifosfamid bidiphar 1g	1g	Lọ	- Mẫn cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc. - Tắc nghẽn đường tiết niệu. - Suy giảm chức năng tủy xương nặng (đặc biệt là ở những bệnh nhân đã được điều trị trước đó với các tác nhân gây độc tế bào hoặc xạ trị) - Viêm bàng quang. - Suy giảm chức năng thận. - Suy gan. - Nhiễm trùng cấp tính.
11.	Irinotecan	Irinotecan Bidiphar	100mg/5ml	Lọ	- Quá mẫn, phụ nữ cho con bú - Bệnh viêm ruột mãn tính và /hoặc tắc ruột - Bilirubin > 3 lần giới hạn trên của phạm vi bình thường - Suy tủy xương nặng - Tình trạng hoạt động WHO > 2 - Sử dụng đồng thời với St John's Wort

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Đơn vị tính	Chống chỉ định sử dụng
12.	Irinotecan	Irinotecan bidiphar 100mg/5ml Irinotecan bidiphar 40mg/2ml	100mg/5ml 40mg/2ml	Lọ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quá mẫn</li> <li>- Bệnh nhân đang được điều trị bằng các chế phẩm chiết xuất từ cây ban xuyên Hypericum perforatum (St John's Wort) hoặc đang điều trị bằng ketoconazol</li> <li>- Bệnh nhân suy tủy xương nặng</li> <li>- Bệnh nhân bị hẹp đại tràng chưa điều trị</li> <li>- Bệnh viêm ruột mãn tính và / hoặc tắc ruột</li> <li>- Phụ nữ có thai và cho con bú</li> <li>- Trong phác đồ điều trị phối hợp, để chống chỉ định thêm cetuximab hoặc bevacizumab hoặc capecitabin, tham khảo thêm thông tin sản phẩm của các sản phẩm này</li> <li>- Bilirubin &gt; 3 lần giới hạn trên của khoảng thông thường</li> <li>- Tình trạng chức năng hoạt động theo thang điểm WHO &gt; 2</li> <li>- Thuốc có chứa sorbitol, vì vậy chống chỉ định sử dụng ở bệnh nhân rối loạn dung nạp fructose bẩm sinh</li> </ul>
13.	Oxaliplatin	Oxaliplatin “Ebewe”	50mg/10ml	Lọ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tiền sử quá mẫn với các hoạt chất bất cứ thành phần tá dược nào của thuốc</li> <li>- Phụ nữ cho con bú</li> <li>- Bị suy thận trước khi bắt đầu chu kỳ điều trị đầu tiên.</li> <li>- Hoặc số lượng tiểu cầu bị suy chức năng thần kinh cảm giác ngoại biên trước khi bắt đầu chu kỳ điều trị đầu tiên</li> <li>- Bị suy chức năng thận nặng.</li> </ul>
14.	Oxaliplatin 50mg/ 10ml	Oxitan 50mg/10ml Oxitan 100mg/20ml	50mg/10ml 100mg/2ml	Lọ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tiền sử mẫn cảm đã biết với hoạt chất hoặc bất kỳ thành phần tá dược nào của thuốc. - Đang cho con bú</li> <li>- Có suy tủy xương trước khi bắt đầu đợt điều trị đầu tiên của bệnh lý thần kinh cảm giác</li> <li>- Suy thận nặng</li> </ul>

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Đơn vị tính	Chống chỉ định sử dụng
15.	Oxaliplatin	Eloxatin	50mg/10ml 100mg/2ml	Lọ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tiền sử dị ứng với oxaliplatin</li> <li>- Đang nuôi con bằng sữa mẹ</li> <li>- Bị ức chế tủy xương trước chu kỳ liều đầu tiên (Dựa trên số lượng bạch cầu trung tính <math>&lt;2 \times 10^9/l</math> và/ hoặc tiểu cầu <math>&lt;100 \times 10^9/l</math>)</li> <li>- Có bệnh lý thần kinh cảm giác ngoại biên với suy giảm chức năng trước chu kỳ điều trị đầu tiên</li> <li>- Bị suy thận nặng (creatinin <math>&lt; 30ml/phút</math>)</li> </ul>
16.	Oxaliplatin	Lyoxatin 50mg/10ml	50mg/10ml	Lọ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫn cảm với oxaliplatin, các dẫn chất platin và bất kỳ thành phần nào của thuốc.</li> <li>- Người mang thai và cho con bú.</li> <li>- Suy thận nặng (Clcr <math>&lt; 30ml/phút</math>)</li> </ul>
17.	Paclitaxel	Paclitaxel "Ebewe"	6mg	Lọ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫn cảm với hóa chất hoặc Với bất kỳ tá dược nào của thuốc đặc biệt với dầu thầu dầu polyoxyl.</li> <li>- Không dùng ở người có lượng bạch cầu đa nhân trung tính <math>&lt;1.500 \text{ mm}^2</math></li> <li>- Chống chỉ định cho phụ nữ cho con bú</li> <li>- Chống chỉ định ở bệnh nhân bị nhiễm khuẩn nặng, không kiểm soát được</li> <li>- Bệnh nhân suy gan nặng không nên điều trị với</li> </ul>
18.	Paclitaxel	Paclitaxel "Ebewe"	6mg/ml	Lọ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫn cảm với hoạt chất hoặc bất cứ tá dược nào của thuốc, đặc biệt với dầu thầu dầu polyoxyl.</li> <li>- Không dùng paclitaxel ở người có lượng bạch cầu đa nhân trung tính trước điều trị <math>&lt; 1.500/mm^2</math></li> <li>- Paclitaxel cũng bị chống chỉ định cho phụ nữ cho con bú.</li> <li>- Paclitaxel cũng bị chống chỉ định cho bệnh nhân KS bị nhiễm khuẩn nặng, không kiểm soát được.</li> <li>- Bệnh nhân suy gan nặng không nên điều trị paclitaxel</li> </ul>



STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Đơn vị tính	Chống chỉ định sử dụng
19.	Pacilitaxel	ANZATAX	150mg/25 ml	Lọ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quá mẫn với paclitaxel, macrogolglycerol ricinoleate hoặc với bất kỳ thành phần nào của thuốc.</li> <li>- Chống chỉ định ở phụ nữ cho con bú.</li> <li>- Không dùng ở bệnh nhân giảm bạch cầu trung tính ban đầu <math>&lt; 1,5 \times 10^9/l</math> hoặc tiểu cầu ban đầu <math>&lt; 100 \times 10^9/l</math>.</li> <li>- Chống chỉ định ở bệnh nhân Kaposi's sarcom đồng thời bị nhiễm trùng nghiêm trọng, không kiểm soát.</li> <li>- Bệnh nhân suy gan nặng</li> </ul>
20.	Paclitaxel	Intaxel	30mg/5ml	Lọ	<ul style="list-style-type: none"> <li>-BN mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc hoặc dầu thầu dầu</li> <li>- Phụ nữ cho con bú</li> <li>- Bệnh nhân có số lượng bạch cầu trung tính <math>&lt; 1500/mm^3</math> hoặc có số lượng tiểu cầu <math>&lt; 100.000/mm^3</math></li> <li>- Ở bệnh nhân Sarcoma Kaposi do mắc AIDS, chống chỉ định ở bệnh nhân đang có tình trạng nhiễm khuẩn nặng, lặp lại không kiểm soát được.</li> <li>- Bệnh nhân suy gan nặng</li> </ul>
21.	Paclitaxel	Canpaxel 100 Canpaxel 150	100mg 150mg	Lọ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quá mẫn</li> <li>- Mang thai hay cho con bú</li> <li>- Trẻ em dưới 18 tuổi</li> <li>- BN có số lượng BC trung tính dưới <math>1500/mm^3</math> hoặc có biểu hiện rõ bệnh lý thần kinh vận động.</li> </ul>
22.	Paclitaxel	Paclitaxelum Actavis	260mg	Lọ	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Bn quá mẫn</li> <li>- Không dùng ở bệnh nhân có số lượng bạch cầu trung tính dưới <math>1500/mm^2</math>, phụ nữ mang thai hoặc đang nuôi con bú, trẻ em.</li> </ul>

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Đơn vị tính	Chống chỉ định sử dụng
23.	Paclitaxel	Pataxel	100mg/16, 7ml	Lọ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quá mẫn</li> <li>- Phụ nữ có thai và cho con bú</li> <li>- Không nên dùng cho các bệnh nhân có lượng bạch cầu trung tính dưới 1500/mm<sup>3</sup> (&lt; 1000mm<sup>3</sup> ở những bệnh nhân bị u kaposi)</li> <li>- Ở các bệnh nhân bị U kaposi, pataxel bị chống chỉ định ở các bệnh nhân bị nhiễm trùng nghiêm trọng, tái diễn, không kiểm soát đượ</li> </ul>
24.	Pemetrexed 100mg	Pemetrexed biovagen	100mg	Lọ	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Mẫn cảm với hóa chất hoặc bất kỳ tá dược nào của thuốc</li> <li>- Phụ nữ chọn cho con bú</li> <li>- Sử dụng đồng thời với vắc xin bệnh sốt vàng</li> </ul>
25.	Pemetrexed	Allipem 100mg	100mg	Lọ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bệnh nhân quá mẫn với các thành phần của thuốc</li> <li>- Sử dụng đồng thời với vaccine sốt vàng</li> </ul>
26.	Pemetrexed (dưới dạng Pemetrexed dinatri heptahydrate)	SUNPEXITAZ 500	500mg	Lọ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bệnh nhân có tiền sử dị ứng nghiêm trọng với pemetrexed hoặc bất kỳ thành phần nào được sử dụng trong công thức</li> <li>- Dùng đồng thời với vaccine sốt vàng.</li> <li>- Phụ nữ cho con bú.</li> </ul>
27.	Vinorelbine	Navelbine 20mg Navelbine 30mg	20mg 30mg	Viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫn cảm</li> <li>- Mang thai, cho con bú</li> <li>- Bệnh lý ảnh hưởng đáng kể đến sự hấp thu của thuốc</li> <li>- Suy gan nặng</li> <li>- Trước phẫu thuật cắt bỏ dạ dày hoặc ruột non</li> <li>- Phối hợp vắc xin sốt vàng da</li> <li>- Tiểu cầu &lt;100000/mm<sup>3</sup></li> </ul>

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Đơn vị tính	Chống chỉ định sử dụng
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bạch cầu trung tính &lt;1500 /mm<sup>3</sup> hoặc nhiễm trùng nặng hiện tại hay trong vòng hai tuần gần đây</li> <li>- Bệnh nhân đang điều trị bằng liệu pháp oxygen kéo dài</li> <li>- Không dùng kết hợp với vaccine ngừa bệnh sốt vàng</li> </ul>
28.	Vinorelbin	Vinorelbine Alvogen 20mg Soft Capsules Vinorelbine Alvogen 80mg Soft Capsules	20mg 80mg	Viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>-BN quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc</li> <li>- Bệnh lý ảnh hưởng đáng kể đến sự hấp thu của thuốc</li> <li>- Phẫu thuật cắt dạ dày hay ruột non trước đó.</li> <li>- BN giảm bạch cầu hạt trung tính &lt; 1.500/mm<sup>3</sup> hoặc đang bị nhiễm trùng nặng hoặc mới bị mắc gần đây (trong vòng 2 tuần )</li> <li>- BN đang cho con bú</li> <li>- Bn đang điều trị bằng liệu pháp oxygen kéo dài.</li> <li>- CCD ở BN đang sử dụng vaccine sốt vàng</li> </ul>
29.	Bevacizumab – 100mg Bevacizumab – 400mg	Avegra Biocad	100mg/4ml 400mg/16 ml	Lọ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chống chỉ định trên bệnh nhân được biết là quá mẫn cảm với: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bất kỳ thành phần nào của thuốc.</li> <li>• Những sản phẩm làm từ tế bào buồng trứng chuột lang Trung Quốc hoặc các kháng thể người lái tổ hợp hay các kháng thể nhân hoá khác.</li> </ul> </li> <li>- Chống chỉ định trên bệnh nhân có di căn đến hệ thần kinh trung ương chưa được điều trị.</li> <li>- Phụ nữ có thai</li> </ul>
30.	Cetuximab	Erbitux 5mg/ml	5mg/1ml	Hộp	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Không dùng Erbitux ở những bệnh nhân có tiền sử quá mẫn cảm với cetuximab (độ 3 hoặc 4 theo Tiêu chuẩn thuật ngữ thường gặp về các biến cố bất lợi của Viện ung thư Quốc gia Hoa Kỳ - CTCAE).</li> <li>- Hoá trị phối hợp Erbitux với oxaliplatin là chống chỉ định cho những bệnh nhân ung thư đại trực tràng di căn (mCRC) có RAS đột biến hoặc mCRB với tình trạng RAS chưa được biết.</li> </ul>

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Đơn vị tính	Chống chỉ định sử dụng
					Trước khi bắt đầu điều trị phối hợp, phải lưu ý xem có chống chỉ định điều trị cùng lúc với các thuốc hoá trị hoặc với xạ trị hay không.
31.	Erlotinib hydrochloride	Tarceva	100mg	Viên	- Quá mẫn. - Phụ nữ có thai và cho con bú
32.	Erlotinib	Hyyr	150mg	Viên	- Quá mẫn. - Phụ nữ có thai và cho con bú
33.	Gefitinib	Iressa	250mg	Viên	- Quá mẫn. - Thời kỳ cho con bú.
34.	Gefitinib 250mg	Bigefinib 250	250mg	Viên	-Quá mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc - Phụ nữ cho con bú - Trẻ em dưới 18 tuổi

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Đơn vị tính	Chống chỉ định sử dụng
35.	Imatinib	Benivatib 400mg	400mg	Viên	- Bệnh nhân quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.
36.	Imatinib	Umkanib 400	400mg	Viên	- Quá mẫn. - Trẻ em dưới 12 tuổi
37.	Rituximab	Rixathon	100mg/10 ml 500mg/50 ml	Lọ	Chống chỉ định khi sử dụng điều trị u lympho không Hodgkin và bệnh bạch cầu lympho mãn tính - Mẫn cảm với hoạt chất hoặc với protein chuột hoặc với bất kỳ thành phần nào của thuốc. - Nhiễm trùng nặng, hoạt động - Bệnh nhân suy giảm miễn dịch nặng, Chống chỉ định khi sử dụng điều trị viêm khớp dạng thấp, u hạt với viêm đa mạch, viêm đa mạch vi thể. - Suy tim nặng (Độ IV theo NYHA) hoặc bệnh tim nghiêm trọng, không kiểm soát.
38.	Sorafenib	Nexavar	200mg	Viên	Chống chỉ định ở bệnh nhân quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Đơn vị tính	Chống chỉ định sử dụng
39.	Sorafenib (dưới dạng Sorafenib Tosylate form II)	Soravar	200mg	Viên	Chống chỉ định ở bệnh nhân quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc
40.	Trastuzumab	Herticad 440mg Herticad 150mg	440mg 150mg	Lọ	- Quá mẫn với trastuzumab, protein từ chuột, hoặc bất kỳ thành phần nào có trong công thức. - Khó thở nặng ngay cả khi cơ thể ở trạng thái nghỉ ngơi do biến chứng của bệnh ung thư tiến triển hay đang cần phải điều trị oxy bổ sung
41.	Trastuzumab	Hertraz 150 mg Hertraz 440 mg	150mg 440mg	Lọ	- Chống chỉ định ở bệnh nhân mẫn cảm với trastuzumab hoặc với bất kỳ thành phần nào của thuốc.
42.	Anastrozol	ZOLOTRAZ	1mg	Viên	- Quá mẫn. - Phụ nữ mang thai và cho con bú.
43.	Anastrozol	Anastrozole	1mg	Viên	- Quá mẫn. - Phụ nữ mang thai và cho con bú.

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Đơn vị tính	Chống chỉ định sử dụng
44.	Anastrozole	Arimidex	1mg	Viên	-Tiền mãn kinh. - Phụ nữ có thai và cho con bú. - Bệnh nhân có tổn thương chức năng thận nặng. - Bệnh nhân có bệnh lý gan trung bình hoặc nặng. - Quá mẫn cảm với anastrozole hoặc tá dược. Không điều trị đồng thời tamoxifen hoặc các trị liệu có chứa estrogen với Arimidex vì chúng có thể làm mất tác dụng dược lý của thuốc
45.	Bicalutamide 50mg	Casodex	50mg	Viên	- Chống chỉ định ở phụ nữ và trẻ em. - Quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc. - Chống chỉ định sử dụng đồng thời với terfenadin, astemizol, cisaprid
46.	Exemestan 25mg	Linkotax	25mg	Viên	- Chống chỉ định ở bệnh nhân quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc. - Phụ nữ mãn kinh - Phụ nữ mang thai và cho con bú
47.	Exemestan	Exemesin	25mg	Viên	- Phụ nữ mang thai và phụ nữ cho con bú - Bệnh nhân quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc
48.	Fulvestrant	Faslodex 250mg	250mg	Bom	- Quá mẫn cảm với hoạt chất hoặc bất cứ tá dược nào khác. - Phụ nữ có thai và cho con bú. - Suy gan nặng

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Đơn vị tính	Chống chỉ định sử dụng
49.	Goserelin acetat	Zoladex	3,6mg	Bơm tiêm	- Bệnh nhân có tiền sử nhạy cảm với hoạt chất, các chất có cấu trúc tương tự LHRH hoặc tá dược của thuốc - Phụ nữ có thai hoặc cho con bú.
50.	Letrozol	Letrozsun	2,5mg	Viên	- Mẫn cảm với letrozol , các chất ức chế enzym aromatase khác hay bất cứ thành phần nào của thuốc. - Phụ nữ có thai và cho con bú, phụ nữ tiền mãn kinh. - Suy gan nặng
51.	Tamoxifen citrat	Nolvadex-D	20mg	Viên	- Phụ nữ có thai. Bệnh nhân tiền mãn kinh phải được kiểm tra cẩn thận để loại trừ trường hợp mang thai trước khi điều trị. - Mẫn cảm. - Dùng đồng thời anastrozol
52.	Pamidronat	Idrona 30	30mg	Lọ	- Bệnh nhân quá mẫn đối với pamidronat và biphosphat khác - Thận trọng ở bệnh nhân Suy thận. Do nguy cơ tổn thương chức năng thận nghiêm trọng trên lâm sàng, có thể phát triển thành suy thận, liều đơn Pamidronat không được vượt quá 90mg.

Tài liệu tham khảo:

- Tờ HDSĐ của nhà sản xuất.
- Dược thư Quốc gia Việt Nam.